

Name: .....

Class: S7

Tel: 034 200 9294

Ngày GV giao bài: Thứ ..... ngày ...../.....

Ngày HS nộp bài: Thứ ..... ngày ...../.....



Vocabulary & Grammar: .....

Listening: .....

Mini Test: .....

## GLOBAL ENGLISH 7

### UNIT 7 – SUCCESS – VOCABULARY 2 & FCE LISTENING

**Lưu ý:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chú thích nghĩa: Con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.

#### A. VOCABULARY

##### - Adjectives to describe personality

| No. | New words               | Meanings                   | No. | New words                | Meanings           |
|-----|-------------------------|----------------------------|-----|--------------------------|--------------------|
| 1   | <b>hostile</b> (adj)    | thù địch, không thân thiện | 6   | <b>optimistic</b> (adj)  | lạc quan           |
| 2   | <b>modest</b> (adj)     | khiêm tốn, giản dị         | 7   | <b>decisive</b> (adj)    | quyết đoán         |
| 3   | <b>organized</b> (adj)  | có tổ chức, ngăn nắp       | 8   | <b>easy-going</b> (adj)  | dễ tính, thoải mái |
| 4   | <b>sociable</b> (adj)   | hòa đồng, dễ gần           | 9   | <b>independent</b> (adj) | độc lập            |
| 5   | <b>determined</b> (adj) | quyết tâm, kiên định       |     |                          |                    |

##### - Phrases

| No. | New words                       | Meanings                                | No. | New words                      | Meanings               |
|-----|---------------------------------|---|-----|--------------------------------|------------------------|
| 1   | <b>be blocked in</b> (phr.v)    | bị kẹt, bị chặn (thường là phương tiện) | 5   | <b>hang sth on</b> (phr.v)     | treo cái gì đó lên     |
| 2   | <b>pull out</b> (phr.v)         | rời đi, rút khỏi                        | 6   | <b>be converted to</b> (phr.v) | được chuyển đổi thành  |
| 3   | <b>be over the moon</b> (idiom) | cực kỳ hạnh phúc, vui mừng              | 7   | <b>drag sth to</b> (phr.v)     | kéo, lôi cái gì đó đến |
| 4   | <b>make the news</b> (phr.v)    | trở thành tin tức, được đăng báo        |     |                                |                        |

##### - Others

| No. | New words                      | Meanings  | No. | New words           | Meanings            |
|-----|--------------------------------|---|-----|---------------------|---------------------|
| 1   | <b>gust</b> (n)                | cơn gió mạnh  | 4   | <b>windmill</b> (n) | cối xay gió         |
| 2   | <b>burst of light</b> (n phr.) | tia sáng lóe lên  | 5   | <b>invade</b> (v)   | xâm lược, xâm chiếm |
| 3   | <b>feature</b> (n)             | đặc điểm, tính năng/<br>bài viết đặc biệt (trong báo chí) |     |                     |                     |

#### B. EXTRA VOCABULARY

| No. | New words               | Meanings                       | No. | New words                            | Meanings                           |
|-----|-------------------------|--------------------------------|-----|--------------------------------------|------------------------------------|
| 1   | <b>extreme</b> (adj)    | cực kỳ, ở mức độ cao nhất      | 4   | <b>gentle</b> (adj)                  | nhẹ nhàng, không quá dốc (đồi núi) |
| 2   | <b>recognised</b> (adj) | được công nhận, được thừa nhận | 5   | <b>fitness</b> (n)                   | thể lực, sức khỏe                  |
| 3   | <b>certificate</b> (n)  | chứng chỉ, giấy chứng nhận     | 6   | <b>farewell celebration</b> (n phr.) | buổi lễ chia tay, tiệc tiễn biệt   |

**\*Note:** *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; n phr. = noun phrase: cụm danh từ;*  
*idiom = thành ngữ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ; v = verb: động từ;*  
*sth = something: cái gì đó*

\*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

## C. HOMEWORK

I. Fill in the blanks with the correct words given in the box, some words may not be used.

|             |                |              |                |              |                   |                    |             |
|-------------|----------------|--------------|----------------|--------------|-------------------|--------------------|-------------|
| <i>gust</i> | <i>feature</i> | <i>burst</i> | <i>hostile</i> | <i>block</i> | <i>optimistic</i> | <i>independent</i> | <i>pull</i> |
|-------------|----------------|--------------|----------------|--------------|-------------------|--------------------|-------------|

During our school camping trip last week, we experienced all kinds of challenges. At first, the weather was quite harsh, with a strong (0) gust of wind almost blowing away our tents. Some students became (1) \_\_\_\_\_, blaming each other for forgetting to secure the ropes properly. However, our teacher reminded everyone that things could still improve, and she remained (2) \_\_\_\_\_, encouraging us to work together to fix the issue.

Later, we had a team activity where we had to (3) \_\_\_\_\_ out of a group challenge because one member felt unwell. Despite this, the event turned out to be memorable as we got to see an amazing (4) \_\_\_\_\_ of the area: a large windmill overlooking the nearby fields.

In the end, I realized that everyone learns something valuable from such trips, like how important it is to be (5) \_\_\_\_\_ when handling unexpected situations. The trip taught me the importance of staying calm and solving problems step by step.

## II. Circle the correct answer.

- The professor advised his students \_\_\_\_\_ their research thoroughly before submitting it.  
A. completing      B. complete      C. to complete      D. completed
- We avoid \_\_\_\_\_ the museum too late because we might miss the special exhibition on ancient artifacts.  
A. visiting      B. to visit      C. visit      D. visited
- She tried her best \_\_\_\_\_ the machine several times, but it still didn't work, so she called for help.  
A. restarting      B. to restart      C. restart      D. restarted
- I'll always remember \_\_\_\_\_ him for the first time – he was standing in the rain waiting for me.  
A. meeting      B. to meet      C. met      D. meet
- The manager forgot \_\_\_\_\_ us the meeting documents, so we were confused during the discussion.  
A. to sending      B. send      C. to send      D. sending
- My parents expect me \_\_\_\_\_ better in the final exams this year than I did last year.  
A. performed      B. performing      C. perform      D. to perform

III. Use the words in the box to write meaningful sentences. Include at least one VERB + V-ING / VERB + INFINITIVE or VERB + OBJECT + INFINITIVE in each sentence.

|               |                  |               |                            |                 |
|---------------|------------------|---------------|----------------------------|-----------------|
| <i>modest</i> | <i>organized</i> | <i>invade</i> | <i>to be over the moon</i> | <i>decisive</i> |
|---------------|------------------|---------------|----------------------------|-----------------|

0. He was so modest that he didn't expect anyone to praise his contribution to the project.

- \_\_\_\_\_.
- \_\_\_\_\_.
- \_\_\_\_\_.
- \_\_\_\_\_.

## D. CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

**Lưu ý:**

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

### PART 4 Questions 20-25

Con hãy làm bài nghe theo link sau:

<https://on.soundcloud.com/aYgeT2M7ktkLvi6z9>

*For each question, choose the correct answer.*

You will hear a radio interview with a young clothes designer called Sally.

20. What did Sally want to do when she was 19?
  - A. become a cartoonist
  - B. be a successful artist
  - C. work as a fashion designer
21. Why couldn't Sally sell her paintings?
  - A. Only people close to her enjoyed them.
  - B. She didn't have enough time to make any good ones.
  - C. Not enough people saw them.
22. While working at the clothes shop Sally
  - A. realised she needed a change of career.
  - B. decided to change her style completely.
  - C. gained some useful knowledge.
23. How did Sally first start as a designer?
  - A. She began designing for fun.
  - B. She knew the right people to help her out.
  - C. Her boss asked her to make some designs.
24. How does Sally feel about designing clothes for men?
  - A. She has mixed feelings.
  - B. She is not very interested.
  - C. She is very worried.
25. What does Sally like most about being a designer?
  - A. getting lots of new clothes
  - B. seeing her designs in the shops
  - C. earning a high salary





Con hãy làm bài nghe theo link sau:  
<https://on.soundcloud.com/tr85XEb8s5oMGyga9>

## I. Homework:

### Part 2

You will hear a man called Pete talking about a cycling holiday in the UK that his company organises.

For questions 1–8, complete the sentences with a word or short phrase.

## Cycling holiday in the UK

In terms of weather, cyclists experience less (1) \_\_\_\_\_ in the middle of the trip.

Pete's company has won an award for its (2) \_\_\_\_\_ for the last three years.

Starting this year, the company is providing a greater choice of (3) \_\_\_\_\_ for cyclists.

If you book this holiday, it is not necessary to buy (4) \_\_\_\_\_.

Pete uses the word (5) \_\_\_\_\_ to describe the majority of the hills on this trip.

Through major cities, cyclists will need to use local (6) \_\_\_\_\_.

Cyclists need to be in good condition as there are no (7) \_\_\_\_\_ on this trip.

All cyclists receive a (8) \_\_\_\_\_ at the end of the trip.

Con hãy làm bài nghe theo link sau:  
<https://on.soundcloud.com/tr85XEb8s5oMGyga9>

## II. Classwork:

**\*Note:** For general questions, listen to the entire track.

### Part 2

You will hear a man called Pete talking about a cycling holiday in the UK that his company organises.

**- Detailed Questions:** For questions 1–2, complete the sentences with a word or short phrase.

Pete calls the 15-day cycle trip (1) \_\_\_\_\_ level.

A wider range of dates is available to those who choose the (2) \_\_\_\_\_ option.

**- General Questions:** Listen and choose the correct answer.

**1. What is the main focus of Pete's talk about the cycling holiday?**

- A. Explaining the health benefits of cycling
- B. Providing details about the trip's features and options
- C. Discussing the history of the cycling company

**2. According to Pete, what makes his company's cycling trips unique?**

- A. They offer the shortest routes compared to other companies.
- B. They provide international cycling guides.
- C. They have won awards for their trip leaders and value for money.